| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** |

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 9 – 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh

Ông Lâm Ngọc Hà

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Đăng Tú Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành**: Bà Võ Thị Bé Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, khi ly hôn**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Sơn Thị Mỹ H, sinh năm 1986 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Lê Nguyễn Quán T, sinh năm 1976 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2024, nguyên đơn bà Sơn Thị Mỹ H trình bày:*

Bà và ông T kết hôn năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Thời gian đầu bà và ông T chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, không quan tâm chia sẻ, thường xuyên cự cãi, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm sống.

Từ năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H khai vợ chồng có 03 con chung tên: Lê Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 25/8/2004; Lê Thúy Q, sinh ngày 26/5/2006; Lê Lạc H1, sinh ngày 20/10/2014.

Khi ly hôn, bà đồng ý giao 01 con chung tên Lê Lạc H1, sinh ngày 20/10/2014 cho ông Lê Nguyễn Quán T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con; còn 02 cháu Lê Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 25/8/2004; Lê Thúy Q, sinh ngày 26/5/2006, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không  yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Sơn Thị Mỹ H và ông Lê Nguyễn Quán T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa nhưng đều vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử xét áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà và ông.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được cha mẹ hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H đồng ý giao 01 con chung tên Lê Lạc H1, sinh ngày 20/10/2014 cho ông Lê Nguyễn Quán T trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, ông Thư từ khi thụ lý, hòa giải cũng như tại phiên Tòa hôm nay đều vắng mặt, nhưng tại biên bản xác minh ngày 27/8/2024 ông T trình bày nguyện vọng muốn nuôi dưỡng cháu Lê Lạc H1, sinh ngày 20/10/2014 và cũng tại biên bản xác minh ngày 27/8/2024 ghi ý kiến trình bày của cháu Lê Lạc H1, cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng cháu xin ở với cha, nên Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của ông T, giao cháu Lê Lạc H1, sinh ngày 20/10/2014 cho ông T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Còn 02 cháu Lê Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 25/8/2004; Lê Thúy Q, sinh ngày 26/5/2006; đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Sơn Thị Mỹ H đối với bị đơn Lê Nguyễn Quán T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, khi ly hôn", nguyên đơn Sơn Thị Mỹ H được ly hôn với bị đơn Lê Nguyễn Quán T; giao cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Lê Lạc H1, sinh ngày 20/10/2014; nguyên đơn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, không có; nợ chung không có, không đặt ra xem xét.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội Đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Mỹ H.

1.1. Về hôn nhân: Bà Sơn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Lê Nguyễn Quán T.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên: Lê Lạc H1, sinh ngày 20/10/2014; cho ông T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Còn đối với 02 cháu: Lê Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 25/8/2004; Lê Thúy Q, sinh ngày 26/5/2006; đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.2. Bà Sơn Thị Mỹ H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung:Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Sơn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0005087, ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Cơ quan đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Văn Vinh**